SỰ GIAO LƯU VÀ BẢO TỒN BẢN NGỮ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI KHMER KHU VỰC MIỀN NÚI BIÊN GIỚI TÂY NAM BỘ

Th.s. Nguyễn Thuận Quý

Bản ngữ và cộng đồng người Khmer miền núi biên giới Tây Nam bộ

- Tiếng Việt là ngôn ngữ phổ thông

Đa dạng tộc người

Đa dạng ngôn ngữ

- Các tộc người thiểu số có tiếng nói và chữ viết riêng

- Đảng và Nhà nước ta tôn trọng việc bảo tồn và phát huy bản ngữ của các tộc người

Sự giao lưu và bảo tồn văn hóa – ngôn ngữ

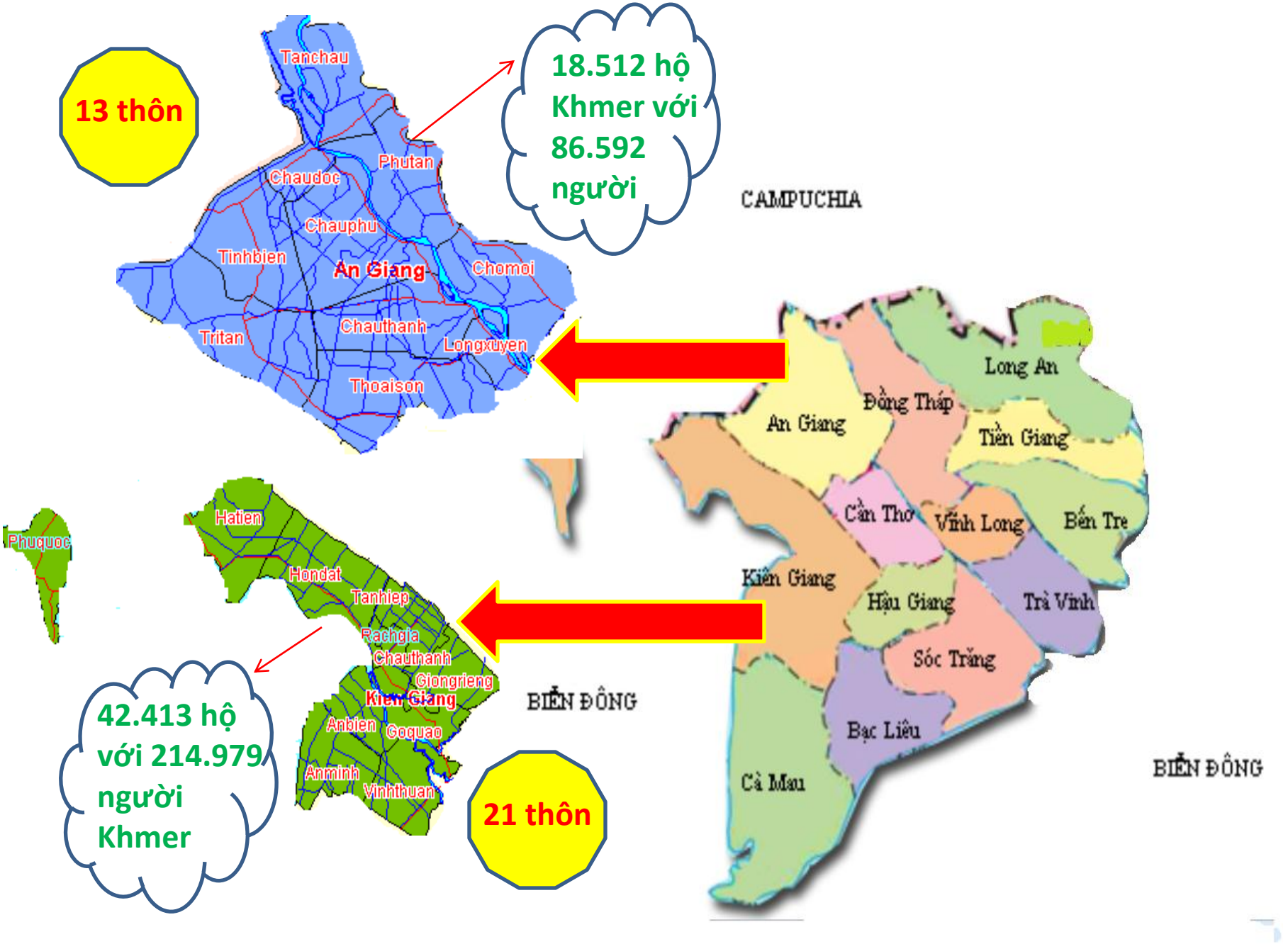
13 thôn
Tanchau
Phutan
Chaudoc
Chauphu
Tinhbien
An Giang
Chomoi
Tritan
Chauthanh
Longxuyen
Thoaison
18.512 hộ Khmer với 86.592 người
CAMPUCHIA
Long An
Đồng Tháp
An Giang
Tiền Giang
Cần Thơ
Vĩnh Long
Bến Tre
Kiên Giang
Hậu Giang
Trà Vinh
Sóc Trăng
Bạc Liêu
Cà Mau
BIỂN ĐÔNG
Phuquoc
Hatien
Hondat
Tanhiep
Rachgia
Chauthanh
Giongrieng
Kiên Giang
Anbien
Gocquao
Anminh
Vinhthuan
BIỂN ĐÔNG
42.413 hộ với 214.979 người Khmer
21 thôn

33 chữ phụ âm,

32 chân

24 chữ nguyên âm,
13 chữ nguyên âm
độc lập

Nhóm ngôn ngữ
Môn – Khmer,
hệ ngữ Nam Á

Đường nét dịu
dàng, cong cong,
uyển chuyển

Tiếng Khmer

Tình yêu đối
với dân tộc
của người
Khmer

Sức sống
mãnh liệt
của nền văn
hóa Khmer

Đặc điểm cư trú trong các phum, sóc

Sự giao lưu ngôn ngữ của cộng đồng người Khmer với các tộc người khác ở khu vực miền núi biên giới Tây Nam bộ

Cư trú xen kẽ giữa các tộc người

Hôn nhân ngoại tộc

Nguyên nhân

Di cư trong lao động

Nhu cầu mua bán, trao đổi

Tạo sự giao lưu văn hóa đa chiều
Học hỏi kinh nghiệm làm ăn, canh tác
Kết quả
Một người có thể nói được 2, 3 ngôn ngữ
Các cộng đồng người hiểu nhau, đoàn kết nhau

Sự bảo tồn bản ngữ của người Khmer miền núi biên giới Tây Nam bộ

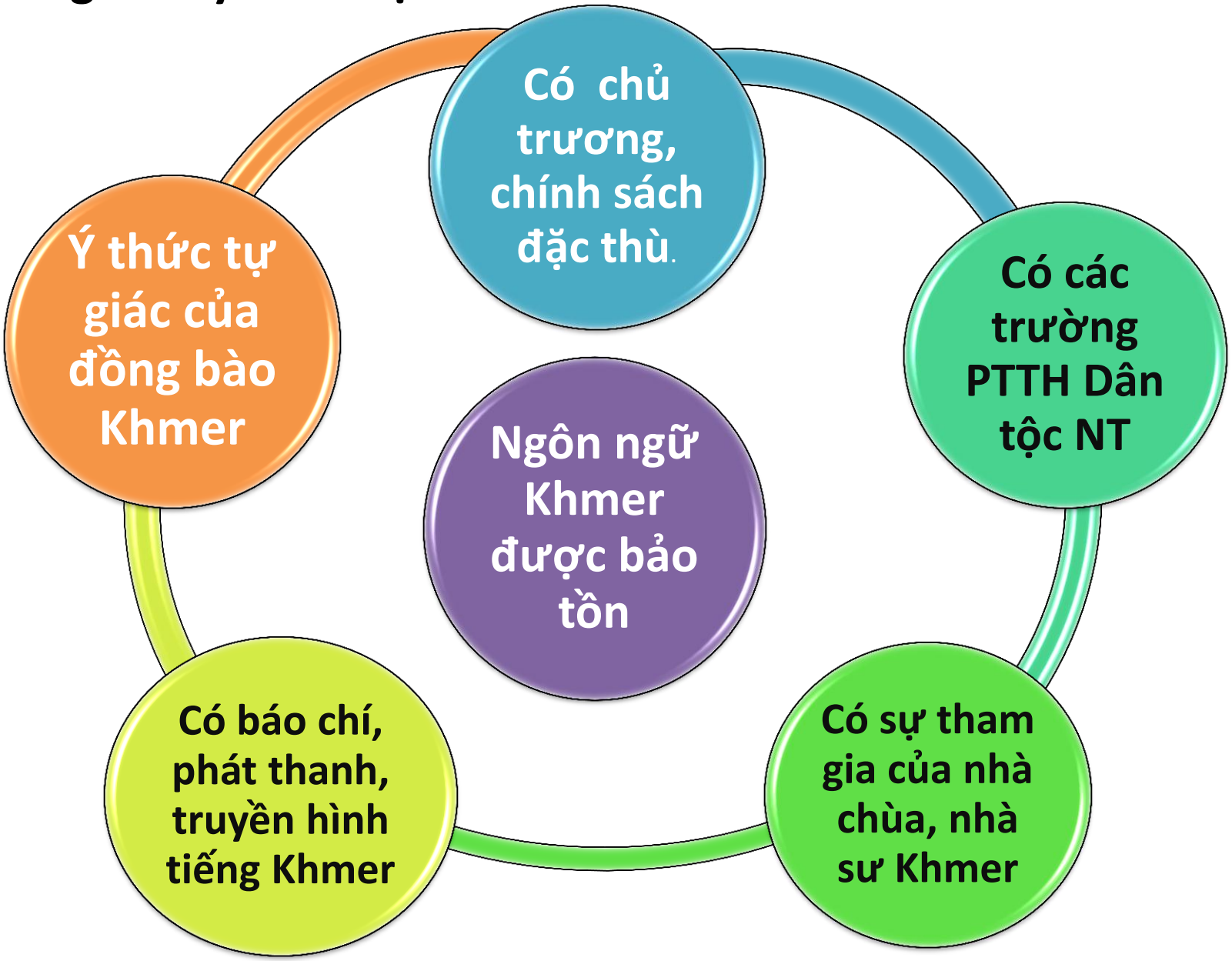

Việc bảo tồn ngôn ngữ Khmer còn nhiều khó khăn

- Việc huy động và duy trì học sinh Khmer đến lớp còn hạn chế
- Ý thức của người dân Khmer về học tiếng mẹ đẻ chưa cao
- Thiếu cơ sở vật chất, sách giáo khoa, đội ngũ giáo viên cho việc dạy tiếng Khmer
- Thời lượng, chất lượng phát thanh, truyền hình tiếng Khmer còn hạn chế, thiếu sự đa dạng, phong phú

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẰM BẢO TỒN BẢN NGỮ CỦA NGƯỜI KHMER

- Hoàn thiện hệ thống VB quy phạm PL.
- Nâng cao chất lượng, số lượng GV; Đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học.
- Đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền, giáo dục ý thức học tập trong cộng đồng Khmer.
- Tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng. Đặc biệt là chùa Khmer và tầng lớp sư sãi.
- Nâng cao đời sống kinh tế văn hoá vùng đồng bào dân tộc Khmer miền núi biên giới Tây Nam bộ.